

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào Điều 55 và Điều 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 173/2024/TLST- Việc HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” của:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh **Huỳnh Văn T**, sinh năm 1988.

Địa chỉ: **Ấp T, xã T, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.**

2. Chị **Lê Thị Cẩm T1**, sinh năm 1996.

Địa chỉ: **Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ việc hôn nhân gia đình và căn cứ vào kết quả hòa giải đoàn tụ không thành ngày 18 tháng 9 năm 2024, Tòa án xác định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh **T** và chị **T1** tự tìm hiểu, quen biết rồi tiến đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã T, thị xã C** vào ngày

03/8/2018 theo giấy chứng nhận kết hôn số 32. Như vậy, hôn nhân giữa anh, chị là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung anh, chị đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm về lối sống dẫn đến đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Dù đã được gia đình, người thân khuyên nhủ, hàn gắn nhưng tình hình không có chuyển biến mà ngày càng trầm trọng hơn. Anh, chị đã ly thân từ năm 2021 cho đến nay.

Tại đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, anh **T** và chị **T1** yêu cầu Tòa án công nhận anh, chị thuận tình ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý việc hôn nhân và gia đình vào ngày 11 tháng 9 năm 2024, Tòa án đã tiến hành hòa giải nhằm hàn gắn, đoàn tụ cho anh, chị nhưng kết quả đoàn tụ không thành vào ngày 18 tháng 9 năm 2024. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành giữa các đương sự, anh **T** và chị **T1** cũng không có thay đổi ý kiến gì khác. Như vậy tình cảm vợ chồng giữa anh, chị đã không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án công nhận cho anh, chị thuận tình ly hôn là phù hợp.

[2]. *Về con chung*: Anh **T** và chị **T1** thỏa thuận giao 01 con chung là cháu **Huỳnh Phúc K**, sinh ngày 21/5/2021 cho chị **T1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh **T** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[3]. *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh **T** và chị **T1** tự nguyện chịu.

[5]. Sau khi nhận đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh, chị, Tòa án đã ban hành thông báo thụ lý việc hôn nhân và gia đình và đã tiến hành hòa giải để nhằm hàn gắn, đoàn tụ nhưng hòa giải đoàn tụ không thành vào ngày 18 tháng 9 năm 2024 và xét thấy hai bên đã thực sự tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn diện vụ, việc.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, đảm bảo quyền lợi chính đáng của chồng, vợ và con.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Huỳnh Văn T** và chị **Lê Thị Cẩm T1**.
2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận của anh **T** và chị **T1**, giao 01 con chung là cháu **Huỳnh Phúc K**, sinh ngày 21/5/2021 cho chị **Lê Thị Cẩm T1** trực tiếp chăm sóc

nuôi dưỡng. Anh **Huỳnh Văn T** có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **Huỳnh Văn T** chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị **Lê Thị Cẩm T1** chưa có yêu cầu.

3. Về lệ phí Tòa án: Anh **Huỳnh Văn T** và chị **Lê Thị Cẩm T1** tự nguyện mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh, chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003533 ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phước. Xem như anh, chị đã hoàn thành xong nghĩa vụ chịu lệ phí Tòa án.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND T. Tiền Giang;
- VKSND. H. Tân Phước;
- Chi cục thi hành án dân sự H. Tân Phước;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Hội, TX. Cai Lậy;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Thạch Hải Âu